

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 50/TPHN/2024

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: **Công ty cổ phần Thực phẩm Hữu Nghị**

Địa chỉ: 122 Định Công, Phường Định Công, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại: +84 24 3864 2579

Fax: +84 24 3864 2579

E-mail: cskh@huunghi.com.vn

Mã số doanh nghiệp: 0102109239

Số giấy chứng nhận: HA 460/7.23.CIV. Chứng nhận lần đầu : 17/10/2018. Hiệu lực giấy chứng nhận : 16/03/2023 ÷ 15/03/2026. Nơi cấp: Vietnam Certification Centre (QUACERT).

II. Thông tin sản phẩm

1. Tên sản phẩm: **Gold daisy bánh kem xốp hương khoai môn**

2. Thành phần: Bột mì, Đường, Shortening (Dầu cọ tinh luyện, Chất nhũ hóa (471), Chất chống oxy hóa (320, 321)), Sữa bột, Tinh bột sắn, Dầu olein cọ tinh luyện, Hương liệu tổng hợp (Khoai môn, Vani), Chất nhũ hóa (322(ii)), Muối, Chất tạo xốp (500(ii), 503(ii)), Chất tạo màu tự nhiên (162), Chất xử lý bột (1101(i)), Chất tạo màu tổng hợp (133), Chất ổn định (341(iii)).

Thành phần có chứa: Bột mì, Sữa, Lecithin từ đậu nành.

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 12 tháng kể từ ngày sản xuất.

Ngày sản xuất (MFG) và hạn sử dụng (EXP): xem trên bao bì.

4. Quy cách bao gói và chất liệu bao bì:

- **Chất liệu:** Bánh được đóng gói kín trong bao bì giấy cuộn có chất liệu OPP/MCPP, sau đó được đóng vào bao bì chất liệu OPP/PP hoặc hộp giấy. Bao bì đảm bảo yêu cầu an toàn thực phẩm theo quy định Bộ Y Tế.

- **Qui cách bao gói:** 145g (5.1 oz)/ túi, 285g (10 oz)/ túi.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất:

➤ **Sản phẩm của** Công ty cổ phần Thực phẩm Hữu Nghị.

▪ Địa chỉ: 122 Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

▪ ĐT: +84 24 3664 9451

▪ Fax: +84 24 3664 2426

▪ Email: cskh@huunghi.com.vn (Nội địa); im-export@huunghi.com.vn (Xuất khẩu)

▪ Website: www.huunghi.com.vn

➤ **Sản xuất tại** Chi nhánh công ty cổ phần Thực phẩm Hữu Nghị tại miền Bắc.

▪ Địa chỉ: Lô CN 15 - 2, Khu công nghiệp Yên Phong mở rộng, xã Yên Trung, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.

III. Mẫu nhãn sản phẩm (xem mẫu nhãn sản phẩm dự kiến đính kèm)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm (Phụ lục I đính kèm).

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

1. Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia số:

- QCVN 8-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.

- QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

- QCVN 8-3:2012/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm.

2. Thông tư của các Bộ, ngành

- Thông tư số 24/2019/TT-BYT Thông tư quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm.
- Thông tư 17/2023/TT-BYT Sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số quy phạm pháp luật về an toàn thực phẩm do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành.
- Nghị định 43/2017 NĐ-CP về thông tin ghi nhãn hàng hóa
- Nghị định 111/2021 NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều tại nghị định 43/2017 NĐ-CP

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Hà Nội, ngày 29 tháng 8 năm 2024

ĐẠI DIỆN CÔNG TY



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Lạ Nguyễn Hải

10210
CÔNG
CÔ PH
HỤC P
HỮU
ING MA

Phụ lục I
TIÊU CHUẨN SẢN PHẨM

Công ty cổ phần Thực phẩm Hữu Nghị	Gold daisy bánh kem xếp hương khoai môn	Số: 50/TPHN/2024
---	--	-------------------------

1. Yêu cầu kỹ thuật:

1.1. Các chỉ tiêu cảm quan:

- Hình dạng: Bánh hình chữ nhật xếp thành 3 lớp kem, 4 lớp cốt bánh.
- Trạng thái: Bánh giòn, xốp
- Màu sắc: Màu vàng sáng của cốt, màu tím đến màu tím đỏ của kem
- Mùi vị: Đặc trưng mùi vị hương khoai môn.
- Tạp chất lạ: Không có.

1.2. Hàm lượng kim loại nặng: áp dụng theo QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Cadmi (Cd)	ppm	0,1
2	Chì (Pb)	ppm	0,2

1.3. Hàm lượng hóa chất không mong muốn: áp dụng theo QCVN 8-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Aflatoxin B1	µg/kg	2
2	Aflatoxin B1B2G1G2	µg/kg	4
3	Ochratoxin A	µg/kg	3
4	Deoxyvalenol	µg/kg	500
5	Zearalenone	µg/kg	50

1.4 Chỉ tiêu vi sinh vật: áp dụng theo QCVN 8-3:2012/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm.

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giới hạn VSV (trong 1g hoặc 1 ml sản phẩm)
1	Enterobacteriaceae	CFU/g	10 ¹
2	Staphylococci dương tính với coagulase	CFU/g	10 ¹
3	L. monocytogens ⁽¹⁾	CFU/g	10 ²
4	Salmonella	CFU/g	KPH

2. Hướng dẫn sử dụng, bảo quản và vận chuyển:

2.1. Hướng dẫn sử dụng, bảo quản:

- Dùng ăn trực tiếp.
- Bảo quản nơi khô, mát. Tránh ánh nắng trực tiếp.
- Thông tin cảnh báo: Không sử dụng sản phẩm khi hết hạn sử dụng.
- Ngày sản xuất (MFG) và hạn sử dụng (EXP): xem trên bao bì.

2.2. Hướng dẫn bảo quản và vận chuyển:

- Bảo quản:
 - Thành phẩm bảo quản trong kho phải xếp trên các pallet hoặc giá/kệ, cách mặt đất từ 10 ÷ 15cm, cách tường ít nhất 30 cm.
 - Kho phải thoáng mát, khô ráo, tránh được mưa nắng.
- Vận chuyển: Thành phẩm được vận chuyển bằng xe chuyên dụng, đảm bảo không bị nắng, mưa. Không vận chuyển thành phẩm cùng với các sản phẩm khác gây ảnh hưởng đến mùi vị của sản phẩm.





ENSURE YOUR SUCCESS

GIẤY CHỨNG NHẬN

Chứng nhận Hệ thống Quản lý An toàn Thực phẩm của

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HỮU NGHỊ

Địa chỉ: Số 122 Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, Hà Nội, Việt Nam

Địa điểm áp dụng:

1. Trụ sở và Nhà máy Định Công: Số 122 Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, Hà Nội, Việt Nam
2. Chi nhánh Công ty Cổ phần Thực phẩm Hữu Nghị tại Miền Bắc - Nhà máy Yên Phong: Lô CN 15-2, khu công nghiệp Yên Phong mở rộng, xã Yên Trung, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam
3. Chi nhánh Công ty Cổ phần Thực phẩm Hữu Nghị Miền Nam: Lô CN3, đường số 2, khu công nghiệp Sóng Thần 3, phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

SÀO Y BẢN CHÍNH

đã được đánh giá và xác nhận phù hợp với yêu cầu của tiêu chuẩn

TCVN ISO 22000:2018 / ISO 22000:2018

Số:/SY-TPHN

Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2024

Phạm vi được chứng nhận:

1. Sản xuất bánh cracker, lương khô (bánh dinh dưỡng), bánh tươi (bánh gato), bánh mỳ (bánh mỳ, Sandwich), đồ uống không cồn, mứt, bánh quy, caramel, sữa chua, thạch, bánh bông lan (cake, cupcake), bánh ngọt (bánh Tart, bánh Mousse, bánh Panna Cotta); Đóng gói kẹo tại Nhà máy Định Công.
2. Sản xuất bánh trung thu, bánh trứng, bánh kem xốp, bánh mỳ (bánh mỳ, Sandwich), ruốc, bánh bông lan (cake, cupcake), bánh quy, mứt; Đóng gói kẹo tại Nhà máy Yên Phong.
3. Sản xuất bánh mỳ (bánh mỳ, Sandwich), bánh gato, bánh bông lan (cake, cupcake), bánh quy, caramel, sữa chua, thạch, bánh ngọt (bánh Tart, bánh Mousse, bánh Panna Cotta) tại Nhà máy Bình Dương.

Số Giấy chứng nhận:

HA 460/7.23.CIV

Mã ngành: CIV

Hiệu lực Giấy chứng nhận:

Từ ngày 16/03/2023 đến ngày 15/03/2026

Ngày chứng nhận lần đầu:

17/10/2018



CHÁNH VĂN PHÒNG

GIÁM ĐỐC

Vũ Thị Hồng Tiêm



ENSURE YOUR SUCCESS

JAS-ANZ



Trần Quốc Dũng

QUACERT - 8 Hoàng Quốc Việt, P. Nghĩa Đô, Q. Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam

Hiệu lực của Giấy chứng nhận này có thể kiểm tra tại www.quacert.gov.vn và www.jas-anz.org/register



VIỆN CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ GIÁM ĐỊNH THỰC PHẨM QUỐC GIA
NATIONAL CENTER FOR FOOD ANALYSIS AND ASSESSMENT (NACEFA)

ISO/IEC 17025 – VILAS 259

Địa chỉ (Add.): 301 Nguyễn Trãi – Thanh Xuân – Hà Nội
Điện thoại (Tel.): (84) 24 38582752 Fax: (84) 24 38587962
Email: nacefa@firi.vn Website: <http://www.firi.vn>



Số: 0624037/1/PKQ

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Tên mẫu: Gold daisy bánh kem xốp hương khoai môn
Mô tả mẫu: Mẫu đựng trong túi nilon kín, khoảng 500g, 1 túi/mẫu, điều kiện bảo quản nhiệt độ thường
Số lượng mẫu: 01 mẫu
Khách hàng: Công ty Cổ phần Thực phẩm Hữu Nghị
Địa chỉ: 122 Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, Hà Nội
Ngày nhận mẫu: 25/06/2024
Thời gian thử nghiệm: 25/06/2024 – 08/07/2024
Kết quả:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kết quả	Phương pháp thử
01*	Hàm lượng Protein (Nx6,25)	g/100g	4,23	TCVN 8125:2015
02	Hàm lượng Lipid	g/100g	26,88	TCVN 4072:2009
03	Hàm lượng Carbohydrate	g/100g	67,36	AOAC 986.25
04*	Hàm lượng Đường toàn phần	g/100g	32,58	FIRI.M.020 (HPLC)
05*	Hàm lượng Sodium (Na)	mg/100g	92,30	FIRI.M.118 (AAS)
06*	Hàm lượng Canxi (Ca)	mg/100g	28,49	FIRI.M.118 (AAS)
07*	Hàm lượng Sắt (Fe)	mg/100g	1,30	AOAC 999.11
08*	Hàm lượng Cholesterol	mg/100g	KPH (LOD = 1,7 mg/kg)	FIRI.M.132 (HPLC-PDA)
09**	Hàm lượng Xơ thô	g/100g	0,27	NIFC.02.M.09
10	Hàm lượng chất béo bão hòa (Saturated Fat)	g/100g	9,43	AOAC 996.06
11	Hàm lượng chất béo trans (Trans Fat)	mg/100g	KPH (LOD = 1 mg/kg)	AOAC 996.06

Ghi chú: KPH- Không phát hiện: nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp thử (LOD).

Hà Nội, ngày 08 tháng 07 năm 2024

GIÁM ĐỐC



Lê Văn Trọng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng cung cấp
- Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
- Không được sao chép một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Phân tích và giám định thực phẩm Quốc gia
- Chỉ tiêu (*): là chỉ tiêu được công nhận VILAS; chỉ tiêu (**): được thực hiện bởi nhà thầu phụ
- Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định.

FIRI.L.P.11.F.01

VIỆN CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ GIÁM ĐỊNH THỰC PHẨM QUỐC GIA
NATIONAL CENTER FOR FOOD ANALYSIS AND ASSESSMENT (NACEFA)



ISO/IEC 17025 – VILAS 259

Địa chỉ (Add): 301 Nguyễn Trãi – Thanh Xuân – Hà Nội
Điện thoại (Tel): (84) 24 38582752 Fax: (84) 24 38587962
Email: nacefa@firi.vn Website: <http://www.firi.vn>



Số: 0624037/2/PKQ

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Tên mẫu: Gold daisy bánh kem xốp hương khoai môn
Mô tả mẫu: Mẫu đựng trong túi nilon kín, khoảng 500g, 1 túi/mẫu, điều kiện bảo quản nhiệt độ thường
Số lượng mẫu: 01 mẫu
Khách hàng: Công ty Cổ phần Thực phẩm Hữu Nghị
Địa chỉ: 122 Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, Hà Nội
Ngày nhận mẫu: 25/06/2024
Thời gian thử nghiệm: 25/06/2024 – 08/07/2024
Kết quả:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kết quả	Phương pháp thử
01	Enterobacteriaceae	CFU/g	KPH (LOD = 1 CFU/g)	TCVN 5518-2:2007
02**	Listeria monocytogenes	CFU/g	KPH (LOD = 10 CFU/g)	ISO 11290-2:2017
03	E.coli	CFU/g	KPH (LOD = 1 CFU/g)	TCVN 7924-2:2008
04	Staphylococci dương tính với coagulase	CFU/g	KPH (LOD = 10 CFU/g)	ISO 6888-1:2021
05	Tổng số nấm men, nấm mốc	CFU/g	KPH (LOD = 1 CFU/g)	TCVN 8275-2:2010
06	Salmonella spp.	/25g	KPH (eLOD ₅₀ :1)	TCVN 10780-1:2017
07*	Hàm lượng Asen (As)	mg/kg	KPH (LOD = 0,015 mg/kg)	FIRI.M.024 (2019)
08*	Hàm lượng Thủy ngân (Hg)	mg/kg	KPH (LOD = 0,015 mg/kg)	FIRI.M.023 (2019)
09*	Hàm lượng Cadimi (Cd)	mg/kg	KPH (LOD = 0,002 mg/kg)	AOAC 999.11
10*	Hàm lượng Chì (Pb)	mg/kg	KPH (LOD = 0,005 mg/kg)	AOAC 999.11
11	Hàm lượng Aflatoxin M1	µg/kg	KPH (LOD = 0,015 µg/kg)	FIRI.M.086 (Ref: TCVN 6685:2009)
12*	Hàm lượng Aflatoxin B1	µg/kg	KPH (LOD = 0,3 µg/kg)	FIRI.M.130 (LC-MS/MS)
13*	Hàm lượng Aflatoxin tổng số (B1, B2, G1, G2)	µg/kg	KPH (LOD = 0,3 µg/kg)	FIRI.M.130 (LC-MS/MS)
14*	Hàm lượng Ochratoxin A	µg/kg	KPH (LOD = 0,3 µg/kg)	FIRI.M.167 (LC-MS/MS)
15*	Hàm lượng Deoxynivalenol	µg/kg	KPH (LOD = 30 µg/kg)	FIRI.M.105 (LC-MS/MS)
16*	Hàm lượng Zearalenone	µg/kg	KPH (LOD = 5 µg/kg)	FIRI.M.105 (LC-MS/MS)

Ghi chú: KPH- Không phát hiện: nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp thử (LOD), eLOD₅₀ là giới hạn phát hiện LOD₅₀ ước tính với xác suất phát hiện là 50%.

Hà Nội, ngày 08 tháng 07 năm 2024

GIÁM ĐỐC



Lê Văn Trọng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng cung cấp
- Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
- Không được sao chép một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Phân tích và giám định thực phẩm Quốc gia
- Chỉ tiêu (*): là chỉ tiêu được công nhận VILAS; chỉ tiêu (**): được thực hiện bởi nhà thầu phụ
- Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định.

FIRI.L.P.11.F.01



Tên sản phẩm: Gold daisy bánh kem xốp hương khoai môn

Thành phần: Bột mì, Đường, Shortening (Dầu cô tinh luyện, Chất nhũ hóa (471), Chất chống oxy hóa (320, 321)), Sữa bột, Tinh bột sắn, Dầu olein cô tinh luyện, Hương liệu tổng hợp (Khoai môn, Vani), Chất nhũ hóa (322(ii)), Muối, Chất tạo xốp (500(ii), 503(ii)), Chất tạo màu tự nhiên (162), Chất xử lý bột (1101(i)), Chất tạo màu tổng hợp (133), Chất ổn định (341(iii)).
Thành phần có chứa: Bột mì, Sữa, Lecithin từ đậu nành.

Product name: Gold daisy taro flavoured cream wafer

Ingredients: Wheat flour, Sugar, Shortening (Refined palm oil, Emulsifier (471), Antioxidants (320, 321)), Milk powder, Tapioca starch, Refined palm olein oil, Artificial food flavouring (Taro, Vanillin), Emulsifier (322(i)), Salt, Raising agents (500(ii), 503(ii)), Natural coloring (162), Flour treatment gent (1101(i)), Artificial food coloring (133), Stabilizer (341(iii)).
Contains allergens: Wheat flour, Milk, Soy lecithin.

Hình ảnh chỉ có tính chất minh họa
Product images are for illustrative purposes only

Hướng dẫn sử dụng: Dùng ăn trực tiếp. Bảo quản nơi khô, mát. Tránh ánh nắng trực tiếp.

Thông tin cảnh báo: Không sử dụng sản phẩm khi hết hạn sử dụng. Ngày sản xuất (MFG) và hạn sử dụng (EXP): xem trên bao bì.

Instructions for use: Use directly. Store in a cool and dry place. Avoid the direct sunshine.

Warning information: Do not use expired product

Date of manufacture (MFG) and expiry date (EXP): as shown on the package.

Số công bố: 50/TPHN/2024

Number: 50/TPHN/2024

Xuất xứ: Việt Nam

Country of origin: Vietnam

Sản phẩm của: Công ty cổ phần Thực phẩm Hữu Nghị

Địa chỉ: 122 Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam.
ĐT: +84 24 36649451 - Fax: +84 24 36642426
Email: cskh@huonghi.com.vn (Xuất khẩu)
Website: www.huonghi.com.vn

A product of Huu Nghi food Joint Stock Company

Add: 122 Dinh Cong St., Dinh Cong Ward, Hoang Mai Dist., Hanoi City, Vietnam.
Tel: +84 24 3664 9451 - Fax: +84 24 3664 2426
Email: cskh@huonghi.com.vn (Domestic)
im-export@huonghi.com.vn (Export)
Website: www.huonghi.com.vn

Sản xuất tại: Chi nhánh Công ty Cổ phần Thực phẩm Hữu Nghị tại miền Bắc

Địa chỉ: Lô CN 15 - 2, Khu công nghiệp Yên Phong mở rộng, xã Yên Trung, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.

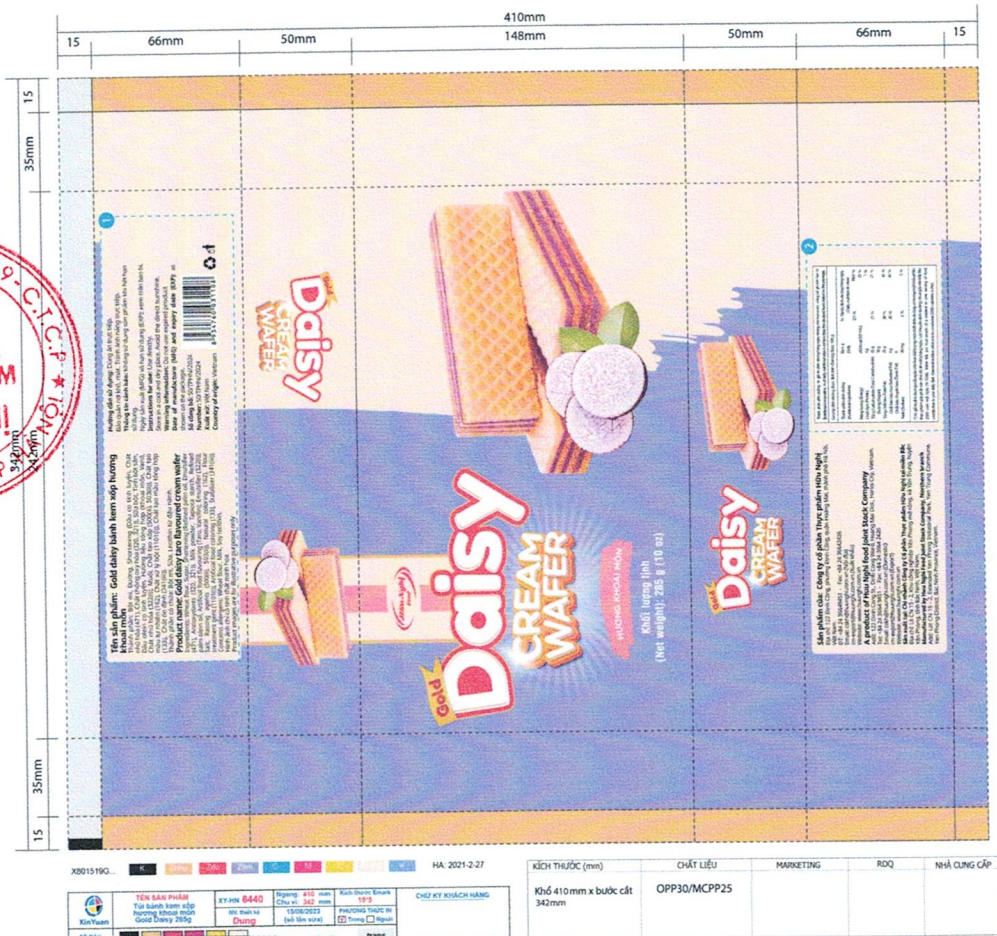
Manufactured by Huu Nghi Food Joint Stock Company, Northern branch

Add: Lot CN 15 - 2, Extended Yen Phong Industrial Park, Yen Trung Commune, Yen Phong District, Bac Ninh Province, Vietnam.

Thành phần dinh dưỡng, % giá trị dinh dưỡng hàng ngày không nhỏ hơn mức công bố ghi trên bao bì (Nutritional composition, % of daily nutritional value is not less than the declared level stated on the package)			
Lượng dinh dưỡng được tính trên (Serving Size): 100 g			
Thành phần dinh dưỡng (Nutritional ingredients)	Đơn vị (Unit)	% Giá trị dinh dưỡng hàng ngày (Daily nutritional value)	RN% %
Năng lượng (Energy)	493 Kcal/2071 KJ		25 %
Chất đạm (Protein)	4 g		7 %
Tổng Carbohydrate (Total Carbohydrate)	63 g	21 %	21 %
Đường (Sugars)	30 g		
Tổng chất béo (Total Fat)	25 g	38 %	42 %
Chất béo bão hòa (Saturated Fat)	9 g	45 %	45 %
Chất béo chuyển hóa (Trans Fat)	0		
Natri (Sodium)	90 mg	4 %	5 %

(*) % giá trị dinh dưỡng mỗi ngày cho bạn biết lượng một chất dinh dưỡng có trong một khẩu phần thực phẩm góp phần vào chế độ ăn uống hàng ngày. Lời khuyên dinh dưỡng chung là nên hấp thụ 2000 calo mỗi ngày (% Daily Value tells you how much of a nutrient in one serving of food contributes to your daily diet. General nutrition advice is to consume 2000 calories a day).





Khối lượng tịnh (Net weight): 285 g (10 oz)

Tên sản phẩm: Gold daisy bánh kem xốp hương khoai môn

Thành phần: Bột mì, Đường, Shortening (Dầu cọ tinh luyện, Chất nhũ hóa (471), Chất chống oxy hóa (320, 321)), Sữa bột, Tinh bột sắn, Dầu olein cọ tinh luyện, Hương liệu tổng hợp (Khoai môn, Vani), Chất nhũ hóa (322(ii)), Muối, Chất tạo xốp (500(ii), 503(ii)), Chất tạo màu tự nhiên (162), Chất xử lý bột (1101(ii)), Chất tạo màu tổng hợp (133), Chất ổn định (341(iii)).

Thành phần có chứa: Bột mì, Sữa, Lecithin từ đậu nành.

Product name: Gold daisy taro flavoured cream wafer

Ingredients: Wheat flour, Sugar, Shortening (Refined palm oil, Emulsifier (471), Antioxydants (320, 321)), Milk powder, Tapioca starch, Refined palm olein oil, Artificial food flavouring (Taro, Vanillin), Emulsifier (322(ii)), Salt, Raising agents (500(ii), 503(ii)), Natural coloring (162), Flour treatment gent (1101(ii)), Artificial food coloring (133), Stabilizer (341(iii)).

Contains allergens: Wheat flour, Milk, Soy lecithin.

Hình ảnh chỉ có tính chất minh họa

Product images are for illustration purposes only

Sản phẩm của: Công ty cổ phần Thực phẩm Hữu Nghị

Địa chỉ: 122 Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

ĐT: +84 24 36649451 - Fax: +84 24 36642426

Email: cskh@huunghi.com.vn (Nội địa)

im-export@huunghi.com.vn (Xuất khẩu)

Website: www.huunghi.com.vn

A product of Huu Nghi food Joint Stock Company

Add: 122 Dinh Cong St., Dinh Cong Ward, Hoang Mai Dist., Hanoi City, Vietnam.

Tel: +84 24 3664 9451 - Fax: +84 24 3664 2426

Email: cskh@huunghi.com.vn (Domestic)

im-export@huunghi.com.vn (Export)

Website: www.huunghi.com.vn

Sản xuất tại: Chi nhánh Công ty Cổ phần Thực phẩm Hữu Nghị tại miền Bắc
Địa chỉ: Lô CN 15 - 2, Khu công nghiệp Yên Phong mở rộng, xã Yên Trung, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.

Manufactured by Huu Nghi Food Joint Stock Company, Northern branch

Add: Lot CN 15 - 2, Extended Yen Phong Industrial Park, Yen Trung Commune, Yen Phong District, Bac Ninh Province, Vietnam.

Hướng dẫn sử dụng: Dùng ăn trực tiếp.

Bảo quản nơi khô, mát. Tránh ánh nắng trực tiếp.

Thông tin cảnh báo: Không sử dụng sản phẩm khi hết hạn sử dụng.

Ngày sản xuất (MFG) và hạn sử dụng (EXP): xem trên bao bì.

Instructions for use: Use directly.

Store in a cool and dry place. Avoid the direct sunshine.

Warning information: Do not use expired product

Date of manufacture (MFG) and expiry date (EXP): as shown on the package.

Số công bố: 50/TPHN/2024

Number: 50/TPHN/2024

Xuất xứ: Việt Nam

Country of origin: Vietnam



Thành phần dinh dưỡng, % giá trị dinh dưỡng hàng ngày không nhỏ hơn mức công bố ghi trên bao bì (Nutritional composition, % of daily nutritional value is not less than the declared level stated on the package).			
Lượng dinh dưỡng được tính trên (Serving Size): 100 g			
Thành phần dinh dưỡng (Nutritional ingredients)	Đơn vị (Unit)	% Giá trị dinh dưỡng hàng ngày (Daily nutritional value)	
		DV %	RNV %
Năng lượng (Energy)	483 Kcal/2071 KJ		25 %
Chất đạm (Protein)	4 g		7 %
Tổng Carbohydrate (Total Carbohydrate)	63 g	21 %	21 %
Đường (Sugars)	30 g		
Tổng chất béo (Total Fat)	25 g	38 %	42 %
Chất béo bão hòa (Saturated Fat)	9 g	45 %	45 %
Chất béo chuyển hóa (Trans Fat)	0		
Natri (Sodium)	90 mg	4 %	5 %
(*) % giá trị dinh dưỡng mỗi ngày cho bạn biết lượng một chất dinh dưỡng có trong một khẩu phần thực phẩm góp phần vào chế độ ăn uống hàng ngày. Lời khuyên dinh dưỡng chung là nên hấp thụ 2000 calo một ngày (% Daily Value tells you how much of a nutrient in one serving of food contributes to your daily diet. General nutrition advice is to consume 2000 calories a day).			